

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Yêu cầu về kỹ thuật mang tính kỹ thuật thuần túy và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

1.1. Phạm vi công việc của gói thầu: Thực hiện Gói thầu số 04: Thi công trồng, chăm sóc rừng; thuộc dự án: Trồng rừng thay thế năm 2026 và chăm sóc rừng các năm trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc dự án Hồ chứa nước Ka Pét.

1.3. Địa điểm thực hiện: Tiểu khu 280B - xã Tuyên Quang; tiểu khu 287B, 288 - xã Hàm Kiệm; tiểu khu 284, 285, 286 - xã Hàm Thạnh; tiểu khu 398B - phường La Gi; tiểu khu 414, 415 - xã Sơn Mỹ; tiểu khu 399 - xã Tân Hải - tỉnh Lâm Đồng

1.4. Thời hạn hoàn thành : 03 năm.

2. Mục tiêu công việc:

Thực hiện Gói thầu số 04: Thi công trồng, chăm sóc rừng; thuộc dự án: Trồng rừng thay thế năm 2026 và chăm sóc rừng các năm trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc dự án Hồ chứa nước Ka Pét, cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và đúng tiến độ.

Trồng rừng thay thế năm 2026 và chăm sóc rừng các năm diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhằm duy trì diện tích và chất lượng rừng, góp phần tăng độ che phủ, tăng diện tích rừng lưu giữ nguồn nước ngầm, cải thiện môi trường sinh thái, ổn định tiểu khí hậu vùng.

3. Quy mô, giải pháp thiết kế:

3.1. Quy mô: 500 ha diện tích thực trồng/536,75 ha diện tích thiết kế (36,75 ha là đường băng cản lửa), gồm 10 tiểu khu, 17 khoảnh, 89 lô thuộc 06 xã, phường, cụ thể:

- Xã Hàm Thạnh (59,03 ha), gồm:
 - + Tiểu khu 284: 21,35 ha; gồm 02 khoảnh, 06 lô (khoảnh 1: lô 1, 2, 3, 4, 5; khoảnh 3: lô 1);
 - + Tiểu khu 285: 14,73 ha; gồm 01 khoảnh, 04 lô (khoảnh 3: lô 1, 2, 3, 4);
 - + Tiểu khu 286: 22,95 ha; gồm 01 khoảnh, 07 lô (khoảnh 2: lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7);

- Xã Hàm Kiệm (40,21 ha):
 - + Tiểu khu 288: 6,31 ha; gồm 01 khoảnh, 02 lô (khoảnh 7: lô 1, 2);
 - + Tiểu khu 287B: 33,9 ha; gồm 03 khoảnh, 13 lô (khoảnh 3: lô 1; khoảnh 6: lô 1, 2, 3; khoảnh 9: lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9);
- Xã Tuyên Quang (200,76 ha):
 - + Tiểu khu 280B: 200,76 ha; gồm 02 khoảnh, 27 lô (khoảnh 1: lô 1; khoảnh 2: lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 19, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26);
- Phường La Gi (8 ha):
 - + Tiểu khu 398B: 8 ha; gồm 01 khoảnh, 01 lô (khoảnh 2: lô 1);
- Xã Sơn Mỹ (162,2 ha), gồm:
 - + Tiểu khu 414: 25,34 ha; gồm 02 khoảnh, 04 lô (khoảnh 6: lô 1; khoảnh 8: lô 1, 2, 3);
 - + Tiểu khu 415: 136,86 ha; gồm 03 khoảnh, 19 lô (khoảnh 4: lô 1, 2, 3; khoảnh 9: lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9; khoảnh 11: lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7);
- Xã Tân Hải (29,8 ha):
 - + Tiểu khu 399: 29,8 ha; gồm 01 khoảnh, 06 lô (khoảnh 3: lô 1, 2, 3, 4, 5, 6);

3.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu

a) Diện tích trồng Keo lai nuôi cấy mô: 400,76 ha (Khu vực xã Tuyên Quang- diện tích 200,76 ha (27 lô) và khu vực xã Sơn Mỹ, xã Tân Hải, phường La Gi - diện tích 200 ha (30 lô))

a1) Loài cây trồng: Keo lai nuôi cấy mô

a2) Phương thức trồng: Trồng thuần loài.

a3) Mật độ trồng: 2.222 cây/ha (hàng cách hàng 3 mét, cây cách cây 1,5 mét)

a4) Biện pháp kỹ thuật trồng:

(i) Xử lý thực bì: do khu vực thiết kế trồng rừng còn lại các gốc Keo sau khai thác của các chu kỳ trước với mật độ khá dày (khoảng 2.000 gốc/ha) nên cần thực hiện mức gốc, kết hợp mức các cây chồi tự nhiên trước khi tiến hành trồng rừng.

(ii) Làm đất. Sau khi thực hiện mức gốc Keo lai khai thác của chu kỳ trước kết hợp mức các cây chồi tự nhiên, tiến hành cày đất toàn diện bằng cơ giới để diệt các loài cỏ dại, cày lật đất độ sâu 20-25 cm.

(iii) Cuốc hố: cuốc hố thủ công theo kích thước (30x30x30) cm.

(iv) Lấp hố kết hợp bón lót: bón lót 0,5 kg phân hữu cơ vi sinh và 0,02kg thuốc trừ sâu, mỗi cho mỗi hố

a5) Chăm sóc, bảo vệ cây trồng:

(i) Chăm sóc năm thứ nhất: sau khi trồng rừng 1-2 tháng tiến hành chăm sóc rừng; thực hiện chăm sóc 01 lần/năm.

- Trồng dặm, tỷ lệ cây trồng dặm bình quân là 10% so với mật độ trồng rừng (222 cây/ha);

- Dây cỏ, xới vun gốc theo cây đường kính 0,6 m (mật độ 2.222 cây/ha)

- Cày chăm sóc giữa 2 hàng cây, rộng 2 m, sâu 20 cm -25 cm, khối lượng 6.667 m²/ha kết hợp cày bằng cày lửa;

- Phát chăm sóc thủ công trên hàng, khối lượng 2.705 m²/ha;

Bảo vệ: canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự phá hại của người và gia súc, phát hiện sâu bệnh hại, lửa rừng để có biện pháp ngăn chặn kịp thời. Thời gian bảo vệ từ tháng 9 đến tháng 12.

(ii) Chăm sóc năm thứ hai: Thực hiện chăm sóc 02 lần/năm

- Lần thứ nhất thực hiện vào đầu mùa mưa, nội dung chăm sóc bao gồm:

+ Dây cỏ, xới vun gốc theo cây đường kính 0,8 m (mật độ 2.222 cây/ha);

+ Bón thúc phân NPK, khối lượng 0,2 kg/cây (mật độ 2.222 cây/ha);

+ Cày chăm sóc giữa 2 hàng cây, rộng 2 m, sâu 20 cm -25 cm, khối lượng 6.667 m²/ha kết hợp cày tu bổ bằng cày lửa;

- Lần thứ hai thực hiện vào cuối mùa mưa, gồm các công đoạn:

+ Cày chăm sóc giữa 2 hàng cây, rộng 2 m, sâu 20 cm -25 cm, khối lượng 6.667 m²/ha kết hợp cày tu bổ bằng cày lửa;

+ Phát chăm sóc thủ công trên hàng, khối lượng 2.217 m²/ha;

-Bảo vệ rừng: canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự phá hại của người và gia súc, phát hiện sâu bệnh hại, lửa rừng để có biện pháp ngăn chặn kịp thời (thời gian bảo vệ từ tháng 1 đến tháng 12).

(iii) Chăm sóc năm thứ ba: Thực hiện thực hiện 02 lần/năm

- Lần thứ nhất thực hiện vào đầu mùa mưa, nội dung chăm sóc gồm:

+ Cày chăm sóc giữa 2 hàng cây, rộng 2 m, sâu 20 cm- 25 cm, khối lượng 6.667 m²/ha kết hợp cày tu bổ bằng cày lửa;

- Lần thứ hai thực hiện vào cuối mùa mưa, nội dung chăm sóc gồm:

+ Cày chăm sóc giữa 2 hàng cây, rộng 2 m, sâu 20 cm - 25 cm, khối lượng 6.667 m²/ha kết hợp cày tu bổ bằng cày lửa;

+ Phát chăm sóc thủ công trên hàng, khối lượng 2.217 m²/ha; phát, dọn toàn bộ dây leo, cây bụi và cỏ dại trên hàng cây; phát chặt sát gốc, băm đập, rải đều trên toàn bộ diện tích; tỉa một số cành sâu bệnh cong queo, gỡ bỏ dây leo bám vào cây trồng.

-Bảo vệ rừng: canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự phá hại của người và gia súc, phát hiện sâu bệnh hại, lửa rừng để có biện pháp ngăn chặn kịp thời (thời gian bảo vệ từ tháng 1 đến tháng 12).

b. Diện tích trồng Bạch đàn: 99,24 ha (gồm khu vực tiểu khu 284, 285, 286, xã Hàm Thạnh; lô 1 khoảnh 7 tiểu khu 288; lô 1, 2, 3 khoảnh 6 và các lô thiết kế tại khoảnh 9 tiểu khu 287B, xã Hàm Kiệm - diện tích 86,67 ha (30 lô) và Khu vực lô 1 khoảnh 3 tiểu khu 287B, lô 2 khoảnh 7 tiểu khu 288, xã Hàm Kiệm - diện tích 12,57 ha (2 lô))

b1) Loài cây trồng: Bạch đàn

b2) Phương thức trồng: Trồng thuần loài.

b3) Mật độ trồng: 2.222 cây/ha (hàng cách hàng 3 mét, cây cách cây 1,5 mét)

b4) Biện pháp kỹ thuật trồng:

(i) Xử lý thực bì: : do khu vực thiết kế trồng rừng còn lại các gốc Keo sau khai thác của các chu kỳ trước với mật độ khá dày (khoảng 2.000 gốc/ha) nên cần thực hiện mức gốc, kết hợp mức các cây chồi tự nhiên trước khi tiến hành trồng rừng.

(ii) Làm đất. Sau khi thực hiện mức gốc Keo lại khai thác của chu kỳ trước kết hợp mức các cây chồi tự nhiên, tiến hành cày đất toàn diện bằng cơ giới để diệt các loài cỏ dại, cày lật đất độ sâu 20-25 cm.

(iii) Cuốc hố: cuốc hố thủ công theo kích thước (30x30x30) cm.

(iv) Lấp hố kết hợp bón lót: bón lót 0,5 kg phân hữu cơ vi sinh và 0,02kg thuốc trừ sâu, mỗi cho mỗi hố

b5) Chăm sóc, bảo vệ cây trồng:

(i) Chăm sóc năm thứ nhất: sau khi trồng rừng 1-2 tháng tiến hành chăm sóc rừng; thực hiện chăm sóc 01 lần/năm.

- Trồng dặm, tỷ lệ cây trồng dặm bình quân là 10% so với mật độ trồng rừng (222 cây/ha);.

- Dây cỏ, xới vun gốc theo cây đường kính 0,6 m (mật độ 2.222 cây/ha);

- Cày chăm sóc giữa 2 hàng cây, rộng 2 m, sâu 20 cm - 25 cm, khối lượng 6.667 m²/ha kết hợp cày băng cản lửa;

-Phát chăm sóc thủ công trên hàng, khối lượng 2.705 m²/ha;

Bảo vệ: canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự phá hại của người và gia súc, phát hiện sâu bệnh hại, lửa rừng để có biện pháp ngăn chặn kịp thời. Thời gian bảo vệ từ tháng 9 đến tháng 12.

(ii) Chăm sóc năm thứ hai: Thực hiện chăm sóc 02 lần/năm

- Lần thứ nhất thực hiện vào đầu mùa mưa, nội dung chăm sóc bao gồm:

+ Dây cỏ, xới vun gốc theo cây đường kính 0,8 m (mật độ 2.222 cây/ha);

+ Bón thúc phân NPK, khối lượng 0,2 kg/cây (mật độ 2.222 cây/ha);

+ Cày chăm sóc giữa 2 hàng cây, rộng 2 m, sâu 20 cm- 25 cm khối lượng 6.667 m²/ha kết hợp cày tu bổ băng cản lửa;

-Lần thứ hai thực hiện vào cuối mùa mưa, gồm các công đoạn:

+ Cày chăm sóc giữa 2 hàng cây, rộng 2 m, sâu 20 cm -25 cm, khối lượng 6.667 m²/ha kết hợp cày tu bổ băng cản lửa;

+ Phát chăm sóc thủ công trên hàng, khối lượng 2.217 m²/ha;

-Bảo vệ rừng: canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự phá hại của người và gia súc, phát hiện sâu bệnh hại, lửa rừng để có biện pháp ngăn chặn kịp thời (thời gian bảo vệ từ tháng 1 đến tháng 12).

(iii) Chăm sóc năm thứ ba: Thực hiện thực hiện 02 lần/năm

- Lần thứ nhất thực hiện vào đầu mùa mưa, nội dung chăm sóc gồm:

+ Cày chăm sóc giữa 2 hàng cây, rộng 2 m, sâu 20 cm - 25 cm, khối lượng 6.667 m²/ha kết hợp cày tu bổ băng cản lửa;

- Lần thứ hai thực hiện vào cuối mùa mưa, nội dung chăm sóc gồm:

+ Cày chăm sóc giữa 2 hàng cây, rộng 2 m, sâu 20 cm - 25 cm, khối lượng 6.667 m²/ha kết hợp cày tu bổ băng cản lửa;

+ Phát chăm sóc thủ công trên hàng, khối lượng 2.217 m²/ha; phát, dọn toàn bộ dây leo, cây bụi và cỏ dại trên hàng cây; phát chặt sát gốc, băm dập, rải đều trên toàn bộ diện tích; tỉa một số cành sâu bệnh cong queo, gỡ bỏ dây leo bám vào cây trồng.

-Bảo vệ rừng: canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự phá hại của người và gia súc, phát hiện sâu bệnh hại, lửa rừng để có biện pháp ngăn chặn kịp thời (thời gian bảo vệ từ tháng 1 đến tháng 12).

3.2. Giải pháp kỹ thuật:

Nhà thầu thuyết minh các giải pháp công việc đáp ứng theo quy định của E-HSMT:

- Tổ chức mặt bằng (Lán trại, kho bãi tập kết vật tư, vật liệu, chất thải, biển báo (nếu có), liên lạc trong quá trình thực hiện) và bố trí nhân lực hợp lý thực hiện các công việc theo yêu cầu của HSMT .

- Phải có Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý ở trụ sở nhà thầu và ở địa điểm thực hiện công việc (bao gồm sơ đồ tổ chức + thuyết minh).
- Các công tác chính của gói thầu được quy định tại giải pháp thiết kế;
- Biện pháp tổ chức thực hiện công việc khi gặp các điều kiện bất lợi: Trong mùa mưa bão, gió chướng.
- Phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về Bảo hành, bảo trì và uy tín của nhà thầu.
- Nhà cung cấp phải phù hợp và khả thi để triển khai thi công gói thầu và đầy đủ năng lực cung cấp đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá của E-HSMT (Các loại vật tư, vật liệu phụ hoặc khác,... không thuộc vật tư, vật liệu chính)
- Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu sản phẩm có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu sản phẩm có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu.

BẢNG VẬT TƯ, VẬT LIỆU CHÍNH CHO GÓI THẦU:

STT	Mô tả	YÊU CẦU
1	Keo lai nuôi cấy mô	- Tuổi cây 3 tháng tuổi, kể từ khi cấy cây con vào bầu, chiều cao cây từ 25 – 35 cm, - Đường kính cổ rễ từ 0,25 – 0,35 cm. - Cây con sinh trưởng tốt, cứng cáp, không bị sâu bệnh, không cong queo, không bị dập gãy cành ngọn, hình dạng cân đối và không vỡ bầu. - Cây giống trồng rừng phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng (theo quy định tại Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ, Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về qui định chi tiết một số nội dung của luật lâm nghiệp và sửa đổi bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm) - Bầu cây Keo lai cấy mô (7 x 12)cm dưới 0,5 kg
2	Bạch đàn	- Tuổi cây 3 tháng tuổi, kể từ khi cấy cây con vào bầu, chiều cao cây từ 25 – 35 cm, - Đường kính cổ rễ từ 0,25 – 0,35 cm. - Cây con sinh trưởng tốt, cứng cáp, không bị sâu bệnh, không cong queo, không bị dập gãy cành ngọn, hình dạng cân đối và không vỡ bầu. - Cây giống trồng rừng phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng (theo quy định tại Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ, Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày

	29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về qui định chi tiết một số nội dung của luật lâm nghiệp và sửa đổi bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm) - Bầu cây Bạch đàn (7 x 12)cm dưới 0,5 kg
--	--

- Nhà thầu dựa vào E-HSMT để lập Bảng tổng hợp nhu cầu về chi tiết, cấu kiện, vật liệu chủ yếu (bao gồm: đầy đủ vật tư, vật liệu chính (các vật liệu khác (nếu có)) và yêu cầu số lượng tối thiểu phải hợp lý đáp ứng để triển khai công việc:

Bảng tổng hợp nhu cầu về chi tiết, cấu kiện, vật liệu chủ yếu

STT	Tên chi tiết, cấu kiện, vật liệu	Kí, mã hiệu (nếu có)	Đơn vị đo	Số lượng

Ghi chú:

+ Cột “Đơn vị đo”: của vật liệu được xác định là đơn vị tính của vật liệu theo hao phí (Ví dụ: Đất, cát: đơn vị đo là m^3)

+ Cột “Số lượng”: được xác định là tổng khối lượng hao phí của vật liệu tính theo đơn vị đo (phải được xác định ra giá trị để tổ chuyên gia xem xét có bảo đảm phù hợp để phục vụ thi công gói thầu hay không (không sử dụng ký hiệu $\geq$)).

- Biểu đồ tiến độ thể hiện (Nội dung thực hiện; sự huy động số lượng nhân công; thiết bị chủ yếu; vật tư, vật liệu chính) đầy đủ, hợp lý, khả thi.

- An toàn lao động: Nhà thầu phải thuyết minh biện pháp an toàn lao động, an toàn giao thông phải hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công; Nhà thầu phải nêu rõ các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, quy định pháp luật hiện hành (phải còn hiệu lực) về an toàn lao động áp dụng cho công việc.

- Phòng cháy, chữa cháy: nhà thầu phải thuyết minh nội dung về bảo vệ và phòng chống cháy rừng; Nhà thầu phải nêu rõ các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, quy định pháp luật hiện hành (phải còn hiệu lực) về PCCC áp dụng cho công việc.

- Vệ sinh môi trường: Có thuyết minh biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công (vận chuyển chất thải (bao nilông, vỏ bầu cây), dọn dẹp hoàn trả hiện trạng công trình).

3.3. Quy trình, quy phạm áp dụng cho công việc và nghiệm thu:

Nhà thầu dựa vào biện pháp thực hiện công việc do mình đề ra, nêu các Tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam được áp dụng thực hiện và nghiệm thu công việc.

Tất cả các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định pháp luật viện dẫn áp dụng phải còn hiệu lực (trường hợp E-HSMT viện dẫn quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định pháp luật chưa đồng bộ (chỗ đúng chỗ sai đối với một tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định pháp luật) thì được xem xét là chấp thuận được).

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng: Trong quá trình triển khai công việc trường hợp khối lượng thực hiện giảm so với dự toán được duyệt thì Chủ đầu tư sẽ giảm trừ khối lượng và nghiệm thu thanh toán, quyết toán dựa trên khối lượng thực tế thực hiện của nhà thầu.

6. Các bản vẽ:

E-HSMT có đính kèm bản vẽ thiết kế.

Ghi chú:

* Nhà thầu tham dự thầu tìm hiểu áp dụng các định mức, quy định hiện hành để lập giá dự thầu và khuyến cáo không vượt (trường hợp bị vượt, tổ chuyên gia sẽ áp dụng hiệu chỉnh sai lệch) giá trị chi phí xây dựng theo kế hoạch hằng năm của công trình tham khảo như sau:

Trồng, chăm sóc và bảo vệ năm thứ nhất (Keo lai, diện tích: 400,76 ha; Bạch đàn, diện tích: 99,24 ha) (Chưa bao gồm công tác mức gốc cây còn lại sau các kỳ khai thác trước)	21.104.307.310 đồng
Mức gốc Bạch đàn còn lại sau các kỳ khai thác trước (thực hiện trong năm thứ 1)	721.474.800 đồng
Mức gốc cây Keo còn lại sau các kỳ khai thác trước (thực hiện trong năm thứ 1)	2.628.985.600 đồng
Chăm sóc và bảo vệ Năm thứ hai	11.537.091.317 đồng
Chăm sóc và bảo vệ Năm thứ ba	2.454.672.459 đồng

- Trường hợp có nội dung nào đó trong các tài liệu của E-HSMT cung cấp có sự không thống nhất, nhà thầu phải đề nghị làm rõ theo quy định trước khi đề xuất trong E-HSDT; trường hợp nhà thầu không đề nghị làm rõ, trong quá trình đánh giá E-HSDT, tư vấn đấu thầu đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu E-HSMT của nhà thầu theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Mức độ đáp ứng quy định tại các văn bản trả lời làm rõ E-HSMT của Bên mời thầu là một phần căn cứ để lập E-HSDT (nếu có);

+ Mức độ đáp ứng yêu cầu quy định tại Chương III của E-HSMT;

- + Mức độ đáp ứng yêu cầu quy định tại Chương V của E-HSMT;
 - + Mức độ đáp ứng yêu cầu hồ sơ thiết kế kèm theo E-HSMT (nếu có);
 - + Mức độ đáp ứng yêu cầu nêu trong bảng chi tiết hạng mục công việc đính kèm hệ thống;
 - + Tài liệu pháp lý khác có liên quan.
- Trong quá trình đăng tải thông báo mời thầu, nếu có nội dung chưa rõ hoặc chưa phù hợp của E-HSMT mà nhà thầu không tiến hành làm rõ hoặc có kiến nghị (phù hợp) về nội dung của E-HSMT, nếu sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu nhưng nhà thầu lại gửi kiến nghị liên quan đến nội dung của E-HSMT làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện gói thầu của Chủ đầu tư thì việc này sẽ được xem xét là hành vi cản trở hoạt động đấu thầu quy định tại điểm d, Khoản 5, Điều 16, Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023.